|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG NINH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 703 ngày 7 tháng 9 năm 2016*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)*

|  |  |
| --- | --- |
| Tên chương trình: | **Quản trị khách sạn** |
| Trình độ đào tạo: | **Đại học** (Bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam) |
| Ngành đào tạo: | Quản trị khách sạn **Mã số: 52340107** |
| Loại hình đào tạo: | **Chính quy** |
| Thời gian đào tạo: | **(Dự kiến) 04 năm** |
| Tên văn bằng: | **Bằng tốt nghiệp đại học** |

# 1. Mục tiêu

***Mục tiêu kiến thức***

## 1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Hiểu biết về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hiểu biết những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên.

Hiểu biết về kiến thức Giáo dục thể chất, An ninh – Quốc phòng đáp ứng yêu cầu rèn luyện sức khỏe, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## 1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Các kiến thức về kinh tế học như toán kinh tế, lý thuyết cung cầu, thị trường và các yếu tố sản xuất, pháp luật kinh tế.

- Các kiến thức cơ bản về quản trị và quản trị kinh doanh như khái niệm quản trị, phong cách quản trị, các quyết định trong quản trị, nguyên lý kế toán, tài chính tín dụng, các phương pháp thanh toán quốc tế trong du lịch.

- Các kiến thức cơ bản về kinh tế du lịch như khái niệm du lịch, sản phẩm du lịch, khách du lịch, thị trường du lịch, các tác động của du lịch; những kiến thức về văn hóa ẩm thực của khách du lịch, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý an toàn lao động trong khách sạn.

## 1.3. Kiến thức chuyên ngành

Hiểu biết các kiến thức :

- Các kiến thức về khách du lịch: tâm lý khách du lịch, giao tiếp trong kinh doanh du lịch.

- Các kiến thức quản trị kinh doanh: quản trị chất lượng dịch vụ, giới thiệu xúc tiến bán sản phẩm dịch vụ, quản trị nguồn nhân lực du lịch.

- Các kiến thức về quản trị khách sạn: sự hình thành và phát triển của khách sạn, thông tin và các quyết định trong kinh doanh khách sạn, nhân sự trong khách sạn, cơ sở vật chất, quản lý hiệu quả kinh doanh khách sạn, giám sát trong khách sạn, quản lý an ninh khách sạn và tổ chức sự kiện.

- Kiến thức về các bộ phận sản xuất trong khách sạn: bộ phận đón tiếp lễ tân, phục vụ buồng, phục vụ ăn uống.

- Các kiến thức về quy hoạch du lịch, quản trị chiến lược, quản trị thương hiệu của du lịch khách sạn.

- Các kiến thức về quản trị khu nghỉ dưỡng, quản trị cơ sở vật chất trang thiết bị khách sạn cao cấp, khởi nghiệp kinh doanh.

# 2. Mục tiêu về kỹ năng

## 2.1. Kỹ năng cứng

- Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ lễ tân, phục vụ buồng, phục vụ ăn uống trong khách sạn trên cơ sở vận dụng các hiểu biết về tâm lý khách du lịch, giao tiếp với khách du lịch.

- Thực hiện việc đón tiếp, phục vụ ăn uống cho các ngành như hàng không, các nhà hàng độc lập, các xí nghiệp có căng tin, bếp ăn công nghiệp; các khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại có dịch vụ ăn uống; các công ty tổ chức sự kiện.

- Thực hiện một số kĩ năng của người quản lý khách sạn, quản lý trung tâm thương mại du lịch như kĩ năng giám sát, kĩ năng quản lý nguồn nhân lực, quản lý an ninh, quản lý tài chính, quản lý chất lượng sản phẩm và trang thiết bị.

- Thực hiện được công việc của các phòng chức năng trong khách sạn như phòng nhân sự, phòng Sale marketing, phòng kế toán tài vụ, phòng hành chính quản trị.

- Đào tạo nhân viên trong khách sạn

- Có kĩ năng chăm sóc, phục vụ khách hàng của các ngành dịch vụ như: ngân hàng, bất động sản, dịch vụ viễn thông, tư vấn du lịch…

- Điều hành khách sạn vừa và nhỏ, quản lý nhà hàng độc lập, quản lý trung tâm thương mại du lịch, quản lý tổ chức sự kiện.

- Thực hiện các dự án quy hoạch du lịch, xây dựng chiến lược kinh doanh, quản lý thương hiệu dịch vụ du lịch.

- Có khả năng nghiên cứu các công trình khoa học thuộc ngành du lịch và các ngành dịch vụ khác.

- Giao tiếp tiếng Anh đạt năng lực thực hành trình độ B2 theo Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu (CEFR) bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

- Thành thạo các công cụ tin học văn phòng, tìm kiếm thông tin và sử dụng những tiện ích của internet trong dịch vụ du lịch.

## 2.2. Kĩ năng mềm

- Có khả năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông, lắng nghe và thuyết phục đối tác và khách hàng.

- Biết tập hợp đội ngũ, làm việc tập thể

- Có khả năng giải quyết các phàn nàn của khách hàng

**Mục tiêu về thái độ**

- Lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng.

- Yêu nghề, luôn trau dồi đạo đức nghề nghiệp, không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ.

- Tuân thủ pháp luật Việt Nam cũng như của các nước trong việc xây dựng hợp đồng và tổ chức du lịch.

- Có tính kiên trì trong giao dịch với khách hàng, linh hoạt, khéo léo, tinh tế khi thực hiện hành nghề và xử lý tình huống.

- Có ý thức giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

# 2. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau đây:

- Nhân viên, giám sát các bộ phận nhà hàng, lễ tân, buồng khách sạn

- Nhân viên các phòng nhân sự, kế toán, sale marketing, hành chính quản trị trong khách sạn.

- Nhân viên lễ tân, phục vụ ăn uống cho các ngành có liên quan đến đón tiếp, phục vụ ăn uống như hàng không, các cửa hàng độc lập, các xí nghiệp có căng tin, bếp ăn công nghiệp.

- Nhân viên các khu vui chơi giải trí, trung tâm thương mại có dịch vụ ăn uống, các công ty tổ chức sự kiện.

- Đào tạo viên tại khách sạn, các cơ sở đào tạo du lịch

- Nhân viên trong các doanh nghiệp dịch vụ khác có bộ phận khách hàng (ngân hàng, công ty bất động sản, siêu thị, đại lý kinh doanh), thương mại và marketing.

# 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ, chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

**Bảng 1. Cấu trúc chương trình đào tạo**

| **TT** | **Nhóm kiến thức** | **Số tín chỉ**  **(LT; TH)** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Kiến thức đại cương** | **31 (24%)**  **(16; 15)** |
| 1.1 | Lý luận chính trị - Pháp luật: 13 Tín chỉ |
| 1.2 | Ngoại ngữ - Tin học : 16 tín chỉ |
|  | Tự chọn : 3 |  |
| **2** | **Kiến thức cơ sở ngành** | **33(25%)**  **(31; 2)** |
| + Bắt buộc: 22 Tín chỉ  + Tự chọn: 04Tín chỉ |
| **3** | **Kiến thức chuyên ngành** | **52 (40%)**  **(33; 19)** |
| + Bắt buộc: 55 Tín chỉ  + Tự chọn: 4 Tín chỉ |
| **4** | **Thực tập, Đồ án tốt nghiệp** |  |
|  | + Thực tập: 8 Tín chỉ  + Tốt nghiệp: 08 Tín chỉ | **16 (12%)**  **(0; 16)** |
| **Tổng cộng** | | **130**  **80 (62%);**  **50 (38%)** |

# 4. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Hình thức tuyển sinh: thi tuyển theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Hạ Long. Có tổng điểm thi tốt nghiệp PTTH các tổ hợp xét tuyển đạt từ điểm sàn trở lên theo quy định của Đại học Hạ Long.

# 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

## 5.1 Quy trình đào tạo

- Tổ chức đào tạo theo phương thức tập trung toàn thời gian.

- Phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Sinh viên phải hoàn thành khối lượng chương trình đào tạo với các loại học phần:

1) Học phần bắt buộc: là học phần tất cả sinh viên phải học và tích lũy (đạt được) theo ngành đã chọn.

2) Học phần tự chọn: là học phần sinh viên có quyền lựa chọn trong chương trình tùy theo nguyện vọng.

3) Học phần chung (Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Thể chất, Lý luận chính trị …) là các học phần được giảng dạy và học tập chung cho các ngành theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Trường đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Trước mỗi học kỳ, sinh viên đăng ký các học phần theo kế hoạch học tập của bản thân và phù hợp với quy định, ràng buộc của chương trình đào tạo, quy chế đào tạo.

- Sinh viên tích lũy đủ khối lượng chương trình đào tạo và các học phần bắt buộc thì được xét tốt nghiệp. Nếu đạt chuẩn đầu ra và đủ điều kiện tốt nghiệp thì được công nhận tốt nghiệp, cấp bằng.

## 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét công nhân tốt nghiệp nếu thỏa mãn các yêu cầu sau:

i) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

ii) Tích lũy đủ học phần (tất cả các học phần bắt buộc) và khối lượng của chương trình đào tạo;

iii) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành các học phần giáo dục thể chất;

iv) Đạt chuẩn về ngoại ngữ, tin học theo quy định của nhà trường;

v) Điểm chung bình chung toàn khóa học đạt từ 5.50 (theo thang điểm 10) hoặc 2.00 (theo thang điểm 4);

vi) Chưa vượt quá thời gian tối đa hoàn thành khóa học.

# 6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ- BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi chung là Quy chế đào tạo) và quy định cụ thể của Trường Đại học Hạ Long. Cụ thể:

+) Điểm học phần:

**Bảng 2. Bảng phân loại điểm học phần**

| **Xếp loại** | | **Thang điểm 10** | **Thang điểm chữ** | **Thang điểm 4** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đạt  (Tích lũy) | Giỏi | 9,0 – 10,0 | A+ | 4,0 |
| 8,5 – 8,9 | A | 3,8 |
| Khá | 8,0 – 8,4 | B+ | 3,5 |
| 7,0 – 7,9 | B | 3,0 |
| Trung bình | 6,5 – 6,9 | C+ | 2,5 |
| 5,5 – 6,4 | C | 2,0 |
| Trung bình yếu | 5,0 – 5,4 | D+ | 1,5 |
| 4,0 – 4,9 | D | 1,0 |
| Không đạt | Kém | < 4,0 | F | 0 |

+) Điểm chung bình chung (theo thang điểm 10):

**Bảng 3. Bảng xếp loại học lực**

| **Điểm trung bình chung** | **Xếp loại** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
| Từ 9,00 đến 10 | Xuất sắc |  |
| Từ 8,00 đến 8,99 | Giỏi |  |
| Từ 7,00 đến cận 7,99 | Khá |  |
| Từ 6,50 đến cận 6,99 | Trung bình khá |  |
| Từ 5,50 đến cận 6,49 | Trung bình |  |

# 7. Nội dung chương trình

**Bảng 4. Khung chương trình**

**Kí hiệu trong bảng:**

HP = Học phần; TC = Tín chỉ; LT = Lí thuyết; TH = Thực hành; T/H = Tự học; TT = tóm tắt

| **TT** | **KHỐI KIẾN THỨC** | **Mã**  **học phần** | **Số**  **tín chỉ** | **Loại TC** | | | **Số**  **tiết** | **Học kỳ**  **(đề xuất)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **LT** | **TH** | **T/H** |
| **A** | **GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | **A** | **31** | **16** | **15** | **62** | **750** |  |
| **A1** | **Bắt buộc** |  | **28** | **13** | **15** | **56** | **705** |  |
| **I** | **Lý luận chính trị - Pháp luật** |  | **13** | **13** | **0** | **26** | **195** |  |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin 1 | PHI1001 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 2 |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin 2 | PHI1002 | 3 | 3 | 0 | **6** | 45 | 3 |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | PHI1003 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 4 |
| 4 | Đường lối cách mạng đảng cộng sản Việt Nam | PHI1004 | 3 | 3 | 0 | **6** | 45 | 5 |
| 5 | Pháp luật đại cương | LAW1001 | 3 | 3 | 0 | **6** | 45 | 4 |
| **II** | **Ngoại ngữ - Tin học** |  | **15** | **0** | **15** | **30** | **510** |  |
| 6 | Tiếng Anh cơ bản 1 | ENG1001 | 2 | 0 | 2 | **4** | 60 | 1 |
| 7 | Tiếng Anh cơ bản 2 | ENG1002 | 4 | 0 | 4 | **8** | 120 | 2 |
| 8 | Tiếng Anh cơ bản 3 | ENG1003 | 6 | 0 | 6 | **12** | 240 | 3 |
| 9 | Tiếng Anh cơ bản 4 | ENG1003 | 3 | 0 | 3 | **6** | 90 | 4 |
| 10 | Tin học đại cương | INT1001 | 2 | 1 | 1 | **4** | 45 | 3 |
| **III** | **Giáo dục thể chất** |  | **3\*** | **0\*** | **3\*** |  | **60\*** |  |
| 11 | Giáo dục thể chất 1 | PHG1001 | 1\* | 0\* | 1\* |  | 30\* | 1\* |
| 12 | Giáo dục thể chất 2 | PHG1002 | 1\* | 0\* | 1\* |  | 30\* | 2\* |
| 13 | Giáo dục thể chất 3 | PHG1003 | 1\* | 0\* | 1\* |  | 30\* | 3\* |
| **IV** | **Giáo dục Quốc phòng - An ninh** | CB601024 | **8\*** | **0\*** | **8\*** |  | **165** |  |
| 14 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh | NSG1001 | 8\* | 0\* | 8\* |  |  |  |
| **A2** | **Tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)** |  | **3** | **3** | **0** | **6** | **45** |  |
| 15 | Tiếng Việt thực hành | VLL1001 | 2 | 1 | 1 | **4** | 45 | 2 |
| 16 | Soạn thảo văn bản | VLL1002 | 2\* | 1\* | 1 |  | 45\* | 2\* |
| **B** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** |  | **85** | **64** | **21** | **170** | **1590** |  |
| **B1** | **Kiến thức cơ sở ngành** |  | **33** | **31** | **2** | **66** | **525** |  |
| **I** | **Bắt buộc** |  | **29** | **27** | **2** | **58** | **465** |  |
| 17 | Toán cao cấp | MAG2001 | 3 | 3 |  | **6** | 45 | 1 |
| 18 | Xác xuất - Thống kê ứng dụng | MAG2002 | 3 | 3 | 0 | **6** | 45 | 2 |
| 19 | Kinh tế du lịch | TOU2001 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 1 |
| 20 | Kinh tế vi mô | TOU2002 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 1 |
| 21 | Kinh tế vĩ mô | TOU2003 | 3 | 3 | 0 | **6** | 45 | 4 |
| 22 | Quản trị học | TOU2004 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 1 |
| 23 | Nguyên lý kế toán | TOU2005 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 2 |
| 24 | Tài chính Tiền tệ | TOU2006 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 3 |
| 25 | Thanh toán quốc tế trong du lịch | TOU2007 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 4 |
| 26 | Văn hóa ẩm thực | TOC2001 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 1 |
| 27 | Luật kinh tế | LAW2003 | 2 | 1 | 1 | **4** | 45 | 5 |
| 28 | Nghiệp vụ văn phòng | LAW2005 | 2 | 1 | 1 | **4** | 45 | 7 |
| 29 | Bảo vệ môi trường KS, vệ sinh thực phẩm, an toàn LĐ | TOH2001 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 4 |
| **II** | **Tự chọn (chọn 2 trong 4 HP)** |  | **4** | **4** | **0** | **8** | **60** |  |
| 30 | Địa chí Quảng Ninh |  | 2\* | 2\* | 0 |  | 30\* | 1\* |
| 31 | Môi trường du lịch và phát triển bền vững | TOU2008 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 3 |
| 32 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | CUL2001 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 1 |
| 33 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | PSY2012 | 2\* | 2 | 0 |  | 30\* | 3\* |
| **B2** | **Kiến thức ngành** |  | **52** | **33** | **19** | **104** | **1065** |  |
| **I** | **Bắt buộc** |  | **50** | **31** | **19** | **100** | **1035** |  |
| 34 | Tâm lý khách du lịch | TOU3002 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 1 |
| 35 | Giao tiếp trong kinh doanh du lịch | TOU3003 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 2 |
| 36 | Marketing du lịch | TOU3004 | 3 | 3 | 0 | **6** | 45 | 3 |
| 37 | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch | TOU3005 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 4 |
| 38 | Tổ chức sự kiện | TOU3006 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 5 |
| 39 | Quy hoạch du lịch |  | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 6 |
| 40 | Quản trị nhân lực | TOU3012 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 5 |
| 41 | Quản trị thương hiệu | TOH3015 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 7 |
| 42 | Quản trị chiến lược | TOU3014 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 6 |
| 43 | Quản trị kinh doanh khách sạn | TOH3001 | 4 | 4 | 0 | **8** | 60 | 6 |
| 44 | Nghiệp vụ lễ tân | TOH3004 | 4 | 0 | 4 | **8** | 120 | 3 |
| 45 | Nghiệp vụ buồng | TOH3005 | 4 | 0 | 4 | **8** | 120 | 2 |
| 46 | Nghiệp vụ nhà hàng | TOH3006 | 4 | 0 | 4 | **8** | 120 | 5 |
| 47 | Nghiệp vụ Bar | TOH3007 | 4 | 0 | 4 | **8** | 120 | 4 |
| 48 | An ninh khách sạn | TOH3008 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 7 |
| 49 | Giám sát khách sạn | TOH3009 | 2 | 2 | 0 | **4** | 30 | 6 |
| 50 | Quản trị tác nghiệp khách sạn | TOH3010 | 2 | 2 |  | **4** | 30 | 7 |
| 51 | Quản trị cơ sở vật chất kĩ thuật khách sạn | TOH3011 | 2 | **2** |  | **4** | 30 | 7 |
| 52 | Nghiệp vụ chế biến món ăn | TOC3011 | 3 | 0 | 3 | **6** | 90 | 6 |
| 53 | Tiếng Anh chuyên ngành QT Khách sạn 1 | ENG3042 | 2 | 2 |  | **4** | 30 | 5 |
| 54 | Tiếng Anh chuyên ngành QT Khách sạn 2 | ENG3043 | 2 | 2 |  | **4** | 30 | 6 |
| **II** | **Học phần tự chọn** *(Chọn 1 trong 4 học phần)* |  | **2** | **2** | **0** | **4** | **30** |  |
| 55 | Quản trị nghiệp vụ lữ hành | TOT3007 | 2 | 2 |  | **4** | 30 | 7 |
| 56 | Quản trị điểm đến du lịch | TOT3008 | 2\* | 2\* | 0 |  | 30\* | 7\* |
| 57 | Khởi sự doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành | TOT3012 | 2\* | 2\* | 0 |  | 30\* | 7 |
| 58 | Quản trị khu nghỉ dưỡng | TOH3012 | 2\* | 2\* |  |  | 30\* | 7\* |
| **C** | **THỰC TẬP** | **C** | **6** | **0** | **6** | **12** | **225** |  |
| 59 | Rèn kĩ năng quản lý bộ phận buồng | HOHP1 | 1 |  | 1 | **2** | 30 | 2\* |
| 60 | Thực tập 1 | HOHT1 | 2 | 0 | 2 | **4** | 90 | 6\* |
| 61 | Thực tập 2 | HOHT2 | 3 | 0 | 3 | **6** | 135 | 8\* |
| **D** | **TỐT NGHIỆP** | **D** | **8** | **0** | **8** | **16** | **360** |  |
|  | KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP |  | 8 | 0 | 8 | **16** | 360 | 8 |
|  | HP THAY KLTN ( Chọn 2 trong HP TCCN) |  | 8\* |  |  |  |  | 8\* |
| 62 | Quản trị dịch vụ ăn uống và nhà hàng | TOH3002 |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 học phần còn lại thuộc TCCN |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | **130** | **80** | **50** | **260** | **2925** |  |

# 8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

**Kí hiệu trong bảng:**

HP = Học phần; BB = Bắt buộc; TC = tự chọn.

| **TT** | **KHỐI KIẾN THỨC** | **Mã** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **học phần** | **15** | **21** | **22** | **21** | **15** | **17** | **12** | **11** |
| **A** | **GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **A1** | **Bắt buộc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Lý luận chính trị - Pháp luật** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin 1 | PHI1001 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin 2 | PHI1002 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | PHI1003 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 4 | Đường lối cách mạng đảng cộng sản Việt Nam | PHI1004 |  |  |  |  | 3 |  |  |  |
| 5 | Pháp luật đại cương | LAW1001 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| **II** | **Ngoại ngữ - Tin học** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Tiếng Anh cơ bản 1 | ENG1001 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Tiếng Anh cơ bản 2 | ENG1002 |  | 4 |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tiếng Anh cơ bản 3 | ENG1003 |  |  | 6 |  |  |  |  |  |
| 9 | Tiếng Anh cơ bản 4 | ENG1003 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 10 | Tin học đại cương | INT1001 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| **III** | **Giáo dục thể chất** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Giáo dục thể chất 1 | PHG1001 | 1\* |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Giáo dục thể chất 2 | PHG1002 |  | 1\* |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Giáo dục thể chất 3 | PHG1003 |  |  | 1\* |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Giáo dục Quốc phòng - An ninh** | CB601024 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh | NSG1001 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **A2** | **Tự chọn (chọn 1 trong 2 HP)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | Tiếng Việt thực hành | VLL1001 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Soạn thảo văn bản | VLL1002 |  | 2\* |  |  |  |  |  |  |
| **B** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B1** | **Kiến thức cơ sở ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Bắt buộc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 17 | Toán cao cấp | MAG2001 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | Xác xuất - Thống kê ứng dụng | MAG2002 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 19 | Kinh tế du lịch | TOU2001 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 20 | Kinh tế vi mô | TOU2002 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | Kinh tế vĩ mô | TOU2003 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 22 | Quản trị học | TOU2004 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 23 | Nguyên lý kế toán | TOU2005 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 24 | Tài chính Tiền tệ | TOU2006 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 25 | Thanh toán quốc tế trong du lịch | TOU2007 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 26 | Văn hóa ẩm thực | TOC2001 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 27 | Luật kinh tế | LAW2003 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 28 | Nghiệp vụ văn phòng | LAW2005 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 29 | Bảo vệ môi trường KS, vệ sinh thực phẩm, an toàn LĐ | TOH2001 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| **II** | **Tự chọn (chọn 2 trong 4 HP)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 30 | Địa chí Quảng Ninh |  | 2\* |  |  |  |  |  |  |  |
| 31 | Môi trường du lịch và phát triển bền vững | TOU2008 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 32 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | CUL2001 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 33 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | PSY2012 |  |  | 2\* |  |  |  |  |  |
| **B2** | **Kiến thức ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Bắt buộc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 34 | Tâm lý khách du lịch | TOU3002 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 35 | Giao tiếp trong kinh doanh du lịch | TOU3003 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 36 | Marketing du lịch | TOU3004 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 37 | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch | TOU3005 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 38 | Tổ chức sự kiện | TOU3006 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 39 | Quy hoạch du lịch | TOU3007 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 40 | Quản trị nhân lực | TOU3012 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 41 | Quản trị thương hiệu | TOH3015 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 42 | Quản trị chiến lược | TOU3014 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 43 | Quản trị kinh doanh khách sạn | TOH3001 |  |  |  |  |  | 4 |  |  |
| 44 | Nghiệp vụ lễ tân | TOH3004 |  |  | 4 |  |  |  |  |  |
| 45 | Nghiệp vụ buồng | TOH3005 |  | 4 |  |  |  |  |  |  |
| 46 | Nghiệp vụ nhà hàng | TOH3006 |  |  |  |  | 4 |  |  |  |
| 47 | Nghiệp vụ Bar | TOH3007 |  |  |  | 4 |  |  |  |  |
| 48 | An ninh khách sạn | TOH3008 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 49 | Giám sát khách sạn | TOH3009 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 50 | Quản trị tác nghiệp khách sạn | TOH3010 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 51 | Quản trị cơ sở vật chất kĩ thuật khách sạn | TOH3011 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 52 | Nghiệp vụ chế biến món ăn | TOC3011 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| 53 | Tiếng Anh chuyên ngành QT Khách sạn 1 | ENG3042 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 54 | Tiếng Anh chuyên ngành QT Khách sạn 2 | ENG3043 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| **II** | **Học phần tự chọn** *(Chọn 1 trong 4 học phần)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 55 | Quản trị nghiệp vụ lữ hành | TOT3007 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 56 | Quản trị điểm đến du lịch | TOT3008 |  |  |  |  |  |  | 2\* |  |
| 57 | Khởi sự doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành | TOT3012 |  |  |  |  |  |  | 2\* |  |
| 58 | Quản trị khu nghỉ dưỡng | TOH3012 |  |  |  |  |  |  | 2\* |  |
| **C** | **THỰC TẬP** | **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 59 | Rèn kĩ năng quản lý bộ phận buồng | HOHP1 |  | **1\*** |  |  |  |  |  |  |
| 60 | Thực tập 1 | HOHT1 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 61 | Thực tập 2 | HOHT2 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |
| **D** | **TỐT NGHIỆP** | **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP |  |  |  |  |  |  |  |  | 8 |
|  | HP THAY KLTN ( Chọn 2 trong HP TCCN) |  |  |  |  |  |  |  |  | 8\* |
| 62 | Quản trị dịch vụ ăn uống và nhà hàng | TOH3002 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 học phần còn lại thuộc TCCN |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **A** | **GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | **A** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **A1** | **Bắt buộc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Lý luận chính trị - Pháp luật** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin 1 | PHI1001 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê Nin 2 | PHI1002 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | PHI1003 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 4 | Đường lối cách mạng đảng cộng sản Việt Nam | PHI1004 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 5 | Pháp luật đại cương | LAW1001 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Ngoại ngữ - Tin học** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Tiếng Anh cơ bản 1 | ENG1001 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Tiếng Anh cơ bản 2 | ENG1002 |  | 4 |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tiếng Anh cơ bản 3 | ENG1003 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 9 | Tiếng Trung cơ bản | CHI0001 |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 10 | Tin học ứng dụng | INT1001 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Giáo dục thể chất** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | Giáo dục thể chất 1 | PHG1001 | 1\* |  |  |  |  |  |  |  |
| 12 | Giáo dục thể chất 2 | PHG1002 |  | 1\* |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Giáo dục Quốc phòng - An ninh** |  |  | **8\*** |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh | NSG1001 |  | 8\* |  |  |  |  |  |  |
| **A2** | **Tự chọn (chọn 1 trong 3 HP)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 14 | Soạn thảo văn bản | VLL1002 |  | 3 |  |  |  |  |  |  |
|  | Nghiệp vụ văn phòng | VLL1003 |  | 3\* |  |  |  |  |  |  |
| **B** | **GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | **B** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **B1** | **Kiến thức cơ sở ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Bắt buộc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | Xác xuất - Thống kê ứng dụng | MAG2002 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 17 | Kinh tế du lịch | TOU2001 | 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 18 | Kinh tế vi mô | TOU2002 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | Kinh tế vĩ mô | TOU2003 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 20 | Quản trị học | TOU2004 | 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 21 | Nguyên lý kế toán | TOU2005 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 22 | Tài chính tiền tệ | TOU2006 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 23 | Văn hóa ẩm thực | TOC2001 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 24 | Luật kinh tế | LAW2003 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 26 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | K3LH.14 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| **II** | **Tự chọn (chọn 2 trong 4 HP)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 27 | Địa chí Quảng Ninh | CUL2013 | **2** |  |  |  |  |  |  |  |
| 28 | Môi trường du lịch và phát triển bền vững | TOU2008 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
|  | Cơ sở văn hóa Việt Nam | CUL2002 | 2\* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Địa lý và tài nguyên du lịch Việt Nam | TOU3001 | 2\* |  |  |  |  |  |  |  |
| **B2** | **Kiến thức ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Bắt buộc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 29 | Kỹ năng bán hàng và giới thiệu sản phẩm du lịch | TOH3999 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 30 | Du lịch có trách nhiệm trong kinh doanh nhà hàng KS | TOH2001 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 31 | Tâm lý khách du lịch | TOU3002 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |
| 32 | Giao tiếp trong kinh doanh du lịch | TOU3003 |  | 2 |  |  |  |  |  |  |
| 33 | Marketing du lịch | TOU3004 |  |  |  | 3 |  |  |  |  |
| 34 | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch | TOU3005 |  |  |  | 2 |  |  |  |  |
| 35 | Tổ chức sự kiện | TOU3006 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 36 | Quản trị nhân lực du lịch | TOU3012 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 37 | Quản trị chiến lược | TOU3014 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 38 | Tổng quan kinh doanh khách sạn | TOH3001 |  |  | 3 |  |  |  |  |  |
| 39 | Nghiệp vụ lễ tân | TOH3004 |  |  |  | 4 |  |  |  |  |
| 40 | Nghiệp vụ buồng khách sạn | TOH3005 |  |  |  |  | 4 |  |  |  |
| 41 | Nghiệp vụ pha chế đồ uống | TOH3007 |  |  |  | 4 |  |  |  |  |
| 42 | Nghiệp vụ nhà hàng | TOH3013 |  |  |  |  | 4 |  |  |  |
| 43 | Quản trị du lịch MICE | TOH3014 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 44 | Quản trị thương hiệu | TOH3015 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 45 | Nghiệp vụ chế biến món ăn | TOC3011 |  |  |  |  |  | 3 |  |  |
| 46 | Quản trị nhà hàng | TOH4002 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 47 | Quản trị bar và đồ uống | TOH3707 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 48 | Quản trị buồng khách sạn | TOH4001 |  |  |  |  |  | 2 |  |  |
| 49 | Quản trị lễ tân khách sạn | TOH4000 |  |  |  |  | 2 |  |  |  |
| 50 | Quản trị dịch vụ du lịch tàu thủy | TOH3017 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **II** | **Tự chọn (chọn 2 trong 4 HP sau)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Quản trị điểm đến du lịch | TOT3008 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 51 | Giám sát khách sạn | TOH3009 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 52 | Quản trị khu nghỉ dưỡng | TOH3012 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
|  | Quản trị các dịch vụ giải trí | TOH3018 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **C** | **THỰC HÀNH, THỰC TẬP** | **C** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 53 | Thực tập 1 | HOHT1 |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| 54 | Thực tập 2 | HOHT2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **D** | **TỐT NGHIỆP** | **D** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP | HOAD18 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | HP THAY KLTN |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 55 | Quản trị điểm đến du lịch | TOT3008 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 56 | Quản trị các dịch vụ giải trí | TOH3018 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 57 | Thanh toán quốc tế trong du lịch |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 58 | Quản trị tác nghiệp khách sạn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

# 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn của trường Đại học Hạ Long được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn tại văn bản hợp nhất của thông tư 14/2010/ TT- BGDĐT và thông tư 32/2013/TT - BGDĐT ban hành danh mục các nghề đào tạo cấp IV trình độ Đại học; Quyết định 43/2007/ QĐ- BGDĐT ngày 15/8/2007: ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Nội dung và thời lượng của chương trình đảm bảo những quy định được ban hành ở những văn bản, quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo này là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với các khoa chuyên môn thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo này, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các tổ bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần và hồ sơ học phần theo quy định của nhà trường sao cho đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, ký duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế; các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, chuẩn đầu ra. Trưởng các Phòng, Khoa, các Ban có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và Hiệu trưởng phê duyệt để triển khai thực hiện.

Chương trình môn học của chuyên ngành sẽ được đánh giá, xem xét lại hằng năm nhằm phát hiện, sửa đổi những hạn chế và cập nhật tiến bộ khoa học để kịp đáp ứng nhu cầu thực tế của đơn vị tuyển dụng.

Tổ chức dạy học theo Quy chế đào tạo và quy định của nhà trường.

Chương trình đào tạo được công khai trên website, phần mềm đào tạo, phổ biến đến các khoa và sinh viên. Đề cương chi tiết từng học phần được giới thiệu khi bắt đầu giảng dạy học phần.

# 10. Bản mô tả học phần/ môn học

## 10.1. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

## 10.2. Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê Nin 2 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

## 10.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh  2 tín chỉ

**-**  Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

## 10.4. Đường lối CM của ĐCS Việt Nam 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

## 10.5. Tiếng Anh cơ bản 1 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần dành cho người học có năng lực Tiếng Anh dưới bậc 1 (Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm, và kỹ năng cơ bản, từ đó người học có thể giới thiệu bản thân, hỏi đáp những vấn đề về nơi sinh sống, về những người xung quanh, tương tác một cách đơn giản với tốc độ nói chậm, rõ ràng.

## 10.6. Tiếng Anh cơ bản 2 4 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Tiếp nối học phần tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 cung cấp các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm và kỹ năng cho người đã đạt bậc 1 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Sau khi học xong học phần, người học có thể giao tiếp ở mức cơ bản các vấn đề liên quan đến thói quen sinh hoạt, các cách diễn đạt đơn giản chủ đề về môi trường xung quanh và các vấn đề cơ bản thiết yếu khác.

## 10.7. Tiếng Anh cơ bản 3 4 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần cung cấp các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, phát âm và kỹ năng cho người đã đạt bậc 2 mức thấp. Người học có thể giao tiếp ở mức cơ bản ở Bậc 2 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) các chủ đề đề về mua sắm, địa lý địa phương và nghề nghiệp, và giao tiếp trực tiếp với người nước ngoài ở mức độ cơ bản.

## 10.8. Tin học ứng dụng 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin (CNTT), tập trung vào hệ điều hành và các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (soạn thảo văn bản, bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu). Ngoài ra, học phần cũng trang bị một số kiến thức về Internet, cách sử dụng trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Bên cạnh đó, học phần này cũng giới thiệu và rèn luyện một số kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo của sinh viên. Từ đó, sinh viên có khả năng sử dụng máy tính phục vụ việc học tập, nghiên cứu và những công việc cần ứng dụng CNTT trong nghề nghiệp sau này.

## 10.9. Giáo dục thể chất 1,2 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12 tháng 9 năm 1995 của Bộ tr­ưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành tạm thời Bộ Chương trình Giáo dục Đại học đại cư­ơng (giai đoạn 1) dùng cho các trư­ờng đại học và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 1997 của Bộ tr­ưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình Giáo dục thể chất giai đoạn II các trường đại học và cao đẳng (không chuyên thể dục thể thao).

## 10.10. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 tín chỉ

-Điều kiện tiên quyết: không

- Thực hiện theo Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh trình độ đại học, cao đẳng.

## 10.11.Soạn thảo văn bản 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần Soạn thảo văn bản cung cấp những khái niệm cơ bản về văn bản và các loại văn bản (nói - viết) được sử dụng hàng ngày trong công việc và trong cuộc sống. Học phần tích hợp rèn luyện các kĩ năng tiếng Việt phù hợp với từng đối tượng người học, giúp người học tự tin sử dụng các kĩ năng và năng lực tiếng Việt trong giao tiếp và soạn thảo các loại văn bản nhằm phục vụ tốt việc học tập, nghiên cứu tại trường Đại học cũng như công việc sau này. Học phần dành thời lượng ưu tiên cho việc rèn luyện kĩ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng về người lao động có kĩ năng sử dụng tiếng Việt và kĩ năng soạn thảo văn bản.

## 10.12.Nghiệp vụ văn phòng 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần Nghiệp vụ văn phòng là học phần nghiên cứu về các kỹ năng trong quản trị văn phòng với những nội dung chính: giới thiệu chức năng, nhiệm vụ của văn phòng, quản trị văn phòng; công tác tổ chức văn phòng từ đó xây dụng chương trình, kế hoạch và lịch làm việc của cơ quan, tổ chức hội họp, hội nghị, hội thảo và các chuyến đi công tác cho lãnh đạo; cung cấp kiến thức về nghiệp vụ văn thư, lưu trữ; giúp người học có kỹ soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản hành chính.

## 10.13.Pháp luật đại cương 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

- Nội dung:Cung cấp cho sinh viên hai nhóm kiến thức cơ bản là Nhà nước và Pháp luật nước CHXHCNVN, trong đó chủ yếu trình bày các kiến thức cơ bản của lý luận chung về pháp luật và một số ngành luật trong hệ thống pháp luật của Nhà nước CHXHCNVN. Học phần dành một chương trình để trình bày về ngành luật quốc tế, là nội dung có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

## 10.14.Kinh tế du lịch 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần Kinh tế du lịch là học phần bắt buộc, nằm trong khối kiến thức chung của ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về du lịch, những khái niệm; đặc điểm; các thành tố góp phần hình thành hoạt động du lịch và điều kiện phát triển du lịch cũng như xu hướng phát triển du lịch, thời vụ du lịch, lao động trong du lịch; cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; chất lượng dịch vụ du lịch, quy hoạch phát triển du lịch

## 10.15. Văn hóa ẩm thực 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: đặc điểm văn hoá ẩm thực nói chung, văn hoá ẩm thực Việt Nam và một số nước tiêu biểu trên thế giới. Người học sau khi học xong có khả năng nhận diện khái quát chung về văn hoá ẩm thực và văn hoá ẩm thực Việt Nam cũng như một số nền văn hoá ẩm thực trên thế giới.

## 10.16. Môi trường du lịch và phát triển bền vững 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần Môi trường du lịch và phát triển bền vững

- Nội dung:Học phần Phát triển du lịch bền vững là một trong những học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành đào tạo quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, trang bị những kiến thức cơ bản và một số phương pháp nghiên cứu, đánh giá và phát triển một loại hình du lịch mới: Du lịch bền vững (trong đó có du lịch sinh thái).

Du lịch bền vững nghiên cứu những lý luận cơ bản về phát triển du lịch bền vững, quy hoạch du lịch bền vững; Thực trạng phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên một số nghiên cứu điển hình và coi đó như là những kinh nghiệm quý báu cho phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam.

## 10.17. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2 tín chỉ

- Học phần cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hoá, văn hoá học, văn minh, lịch sử hình thành văn hoá Việt Nam. Qua đây, người học xác định được bản sắc văn hoá Việt Nam, những giá trị về văn hóa vật thể và văn hoá phi vật thể trong sự giao thoa văn hoá với các nước trong khu vực, đặc biệt với văn hoá Trung Hoa, với các nước phương Tây trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá.

## 10.18.Kinh tế vi mô 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần Kinh tế vi mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức hệ thống về: Bản chất của kinh tế học vi mô và mối quan hệ với kinh tế học vĩ mô; Những vấn đề về kinh tế cơ bản của doanh nghiệp và lý thuyết lựa chọn; Cung cầu và sự biến động, hình thành giá trên thị trường hàng hoá (thị trường đầu ra) và thị trường các yếu tố sản xuất (thị trường đầu vào); Lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp; Các hình thức thị trường và sự lựa chọn tối ưu của doanh nghiệp. Học phần bổ trợ tốt cho sinh viên khi học các học phần Kinh tế Vĩ mô, Kinh tế du lich; Marketing du lịch,...

## 10.19.Kinh tế vĩ mô 2 tín chỉ

**-** Điều kiện tiên quyết: học sau học phần Kinh tế vi mô.

- Nội dung:Học phần Kinh tế vĩ mô là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản tổng quan về nền kinh tế: tổng cung, tổng cầu, các chính sách kinh tế mà chính phủ các quốc gia sử dụng để điều tiết nền kinh tế như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách giá cả và thu nhập, chính sách ngoại thương. Học phần là cơ sở, bổ trợ cho các học phần thuộc mảng kiến thức về quản trị, kinh tế trong chương trình.

## 10.20.Quản trị học 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần Quản trị học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành. Học phần gồm có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị, môi trường trong quản trị và xây dựng kế hoạch, hoạch định tổ chức, lãnh đạo trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

## 10.21.Luật kinh tế 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần Luật kinh tế nghiên cứu quy chế pháp lý về các loại hình doanh nghiệp (khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ... của các chủ thể kinh doanh); vấn đề điều kiện, thủ tục đăng ký kinh doanh; hợp đồng mua bán hàng hóa trong thương mại (nội dung hợp đồng, kỹ năng soạn thảo hợp đồng, giao kết và thực hiện hợp đồng...); các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; vấn đề giải thể, phá sản doanh nghiệp (các trường hợp, thủ tục giải quyết và hậu quả pháp lý của giải thể, phá sản doanh nghiệp).

## 10.22.Phương pháp nghiên cứu khoa học 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến các khái niệm, mục tiêu và kỹ năng học tập và nghiên cứu ở bậc đại học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt trong lĩnh vực ngôn ngữ. Học phần giúp sinh viên làm quen với các công cụ, kỹ năng nghiên cứu, các giai đoạn của từng loại hình nghiên cứu khác nhau, đồng thời cũng hình thành và phát triển ở sinh viên khả năng hiểu và phân tích đánh giá một công trình nghiên cứu cụ thể.

## 10.23.Nguyên lý kế toán 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về kế toán tài chính như các nguyên tắc chung của kế toán, chứng từ kế toán và các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; từ đó, người học có thể hiểu được các thông tin trên báo cáo tài chính, phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp. Học phần là cơ sở, bổ trợ cho các học phần thuộc mảng kiến thức về quản trị, kinh tế trong chương trình.

## 10.24.Xác xuất thống kê và ứng dụng 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng tính toán, cần thiết về xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, hàm phân phối xác suất, một số phân phối xác suất thường dùng; phần thống kê trang bị cho người học về lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê, tương quan và hồi quy tuyến tính; đồng thời trang bị cho người học kỹ năng sử dụng phần mềm để xử lí số liệu thống kê.

## 10.25.Tài chính tiền tệ 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần tài chính tiền tệ là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về tiền tệ, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, bảo hiểm, tín dụng, những nguyên tắc của hoạt đông tài chính và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

## 10.26. Địa chí Quảng Ninh 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn hoá, lịch sử của tỉnh Quảng Ninh để từ đó giúp người học có thể tự tin đón tiếp và phục vụ khách du lịch hiệu quả.

## 10.27.Cơ sở văn hóa Việt Nam 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: không

- Nội dung: Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn hóa Việt Nam, định vị văn hóa Việt Nam và các thành tố văn hóa Việt Nam. Xác định được bản sắc văn hoá Việt Nam, những giá trị về văn hóa vật thể và văn hoá phi vật thể trong sự giao thoa văn hoá với các nước trong khu vực, đặc biệt với văn hoá Trung Hoa, văn hóa phương Tây trong xu thế hội nhập và toàn cầu

## 10.28.Tiến trình lịch sử Việt Nam 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức vừa cơ bản, vừa hệ thống về quá trình phát triển liên tục của lịch sử Việt Nam từ khởi thủy cho đến ngày nay. Học phần bao gồm những nội dung lớn sau: Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1858; Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 cho đến nay.

## 10.29.Giao tiếp trong kinh doanh du lịch 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Học phần Giao tiếp trong kinh doanh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Giao tiếp, giao tiếp trong kinh doanh với 4 chương nội dung gồm: Khái quát chung về giao tiếp và giao tiếp trong kinh doanh, Nghi thức giao tiếp xã giao, Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh, Đàm phán trong kinh doanh.

## 10.30.Tâm lý khách du lịch 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần Tâm lý khách du lịch là học phần bắt buộc trong phần kiến thức cơ sở ngành trong chương trình. Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về tâm lý khách du lịch trong mối quan hệ với khoa học tâm lý và hoạt động du lịch, đặc trưng, các nhân tố ảnh hưởng đến tâm lý khách du lịch, đặc điểm tâm lý theo nhóm khách du lịch. Các kiến thức này sẽ hỗ trợ việc học tập các học phần chuyên ngành.

## 10.31.Tổng quan kinh doanh khách sạn 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần Tổng quan kinh doanh khách sạn là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Quản trị khách sạn. Nội dung của học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về kinh doanh khách sạn, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ cấu tổ chức bộ máy của khách sạn. Đồng thời cung cấp một số nội dung của hoạt động quản trị khách sạn như: hoạt động marketing, quản trị nhân lực, quản trị chất lượng dịch vụ, kết quả kinh doanh và tài chính của khách sạn.

## 10.32. Du lịch có trách nhiệm trong kinh doanh nhà hàng, khách sạn 2 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về môi trường du lịch, các nguyên tắc và biện pháp quản lý tài nguyên môi trường trong khách sạn, kiến thức vệ sinh thực phẩm, an toàn lao động. Qua đó, người học hiểu biết về khoa học môi trường, khái niệm, biết vận dụng các nguyên tắc của du lịch trách nhiệm vào bảo vệ môi trường khách sạn, quản lý vệ sinh thực phẩm, quản lý an toàn lao động.

## 10.33. Marketing Du lịch 3 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần Marketing du lịch là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần có 7 chương, bao gồm những nội dung về marketing du lịch, vai trò chức năng của hoạt động marketing du lịch; Thị trường du lịch, đặc điểm, chức năng của thị trường du lịch, các vấn đề liên quan đến cung, cầu trong du lịch; Các chiến lược marketing điển hình mà doanh nghiệp du lịch thường áp dụng; Điểm đến du lịch, thành phần của điểm đến và hoạt động marketing điểm đến du lịch. Qua đó giúp cho sinh viên có những kĩ năng, nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động quảng bá các chương trình du lịch, điểm đến du lịch, phục vụ cho công việc điều hành du lịch trong tương lai.

## 10.34.Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần Quản trị chất lượng dịch vụ là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên tắc quản trị chất lượng và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ; đánh giá, kiểm soát, cái tiến chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp.

## 10.35.Nghiệp vụ lễ tân 4 tín chỉ

- Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về bộ phận, yêu cầu lao động của người nhân viên, các kiến thức về sản phẩm, dịch vụ trong khách sạn. Sau khi học xong, người học thực hiện được quy trình giới thiệu chào bán, nhận đặt buồng và các dịch vụ cho khách; thực hiện quy trình đăng ký cho khách, xử lý các tình huống lễ tân.

## 10.36.Nghiệp vụ pha chế đồ uống 4 tín chỉ

- Học phần trang bị cho người học các kiến thức về tổ chức bộ phận pha chế trong khách sạn. Học xong, người học có khả năng pha chế được đồ uống có cồn và không cồn theo tiêu chuẩn.

## 10.37.Nghiệp vụ buồng khách sạn 4 tín chỉ

- Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ buồng bao gồm tổ chức của bộ phận, yêu cầu lao động nghề buồng. Qua đây, người học thực hiện được công tác nghiệp vụ chuẩn bị phòng, phục vụ phòng và xử lý các tình huống khi phục vụ phòng.

## 10.38.Nghiệp vụ nhà hàng 4 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học các kiến thức khái quát chung về nhà hàng, quy trình nghiệp vụ phục vụ ăn uống. Sau khi học xong, người học có kỹ năng chuẩn bị làm việc, chuẩn bị nhà hàng, kỹ thuật bày bàn ăn, và phục vụ ăn uống theo tiêu chuẩn.

## 10.39.Tổ chức sự kiện 2 tín chỉ

- Tổ chức sự kiện là môn học cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng tổ chức các sự kiện trong và ngoài khách sạn. Qua đây, người học biết lập kế hoạch và ngân sách cho sự kiện, chuẩn bị tổ chức sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện, tổng kết đánh giá sự kiện, kỹ năng tổ chức một số sự kiện.

## 10.40. Quản trị du lịch MICE 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về du lịch MICE. Học xong, người học biết cách tiếp thị và bán sản phẩm du lịch MICE, tổ chức kinh doanh và phục vụ thị trường khách MICE trong khách sạn, quản trị các dịch vụ cung cấp cho du lịch MICE, thị trường cao cấp và du lịch MICE.

## 10.41.Quản trị nhân lực du lịch 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần Quản trị nhân lực du lịch là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực, phân tích công việc, hoạch định và bố trí nhân lực. Bên cạnh đó hướng dẫn cho sinh viên phương pháp xây dựng định mức, tổ chức lao động, tuyển dụng và đào tạo; Phát triển, đánh giá và đãi ngộ lao động; xây dựng các mối quan hệ lao động trong doanh nghiệp.

## 10.42. Nghiệp vụ chế biến món ăn 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về phương pháp chế biến món ăn cơ bản; thực hành chế biến một số món ăn Á, Âu, hiêu biết về các loại xốt Âu, Á. Đây là học phần bổ trợ kiến thức cho học phần nghiệp vụ nhà hàng, quản trị nhà hàng.

## 10.43.Giám sát khách sạn 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học kiến thức tổng quan về giám sát trong khách sạn. Qua đây, người học được hình thành năng lực lãnh đạo của giám sát viên, có kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng nhóm làm việc, quản lý thời gian và quản lý sự thay đổi, tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên.

## 10.44.Quản trị chiến lược 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Học phần Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

## 10.45.Quản trị thương hiệu 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về lĩnh vực thương hiệu và quảng cáo, Học xong, người học có khả năng xây dựng chiến lược thương hiệu, phát triển và duy trì hương hiệu; nghệ thuật quảng cáo.

## 10.46.Quản trị các dịch vụ giải trí 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quản trị khu giải trí. Qua đây người học biết quản lý các hoạt động hàng ngày của khu giải trí, các dịch vụ trong khu giải trí, quản lý con người và chất lượng sản phẩm.

## 10.47.Kỹ năng thuyết trình đàm phán 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kĩ năng thuyết trình và đàm phán như: khái niệm, những nguyên tắc thuyết trình và đàm phán. Sau khi học xong, người học biết vận dụng các phương pháp đàm phán trong kinh doanh quốc tế.

## 10.48.Quản trị điểm đến du lịch 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Học phần Quản trị điểm đến du lịch là một trong những học phần chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị điểm đến du lịch. Nội dung của học phần gồm: Nghiên cứu những khái niệm cơ bản, vai trò và các hoạt động của quản lí điểm đến; Nghiên cứu về cơ cấu của một tổ chức quản lý điểm đến du lịch và những yếu tố tác động tới công tác quản lí điểm đến; Nghiên cứu các bước xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hoạt động; Marketing điểm đến…

## 10.49. Thực tập 1 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung: Đây là học phần thực tập 1 bắt buộc đối với sinh viên được thực hiện vào kì 6. Giúp cho SV được tiếp cận môi trường thực tế để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, phát triển năng lực bản thân, hiểu những công việc cần thực hiện ứng với ngành nghề được đào tạo, từ đó xác định rõ năng lực cốt lõi cần hình thành nhằm giải quyết tốt các nhiệm vụ sau khi tốt nghiệp; Góp phần hoàn thành chương trình đào tạo. Kết quả thực tập là một trong những điều kiện để sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

## 10.50. Thực tập 2 6 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Không

- Nội dung:Thực tập tốt nghiệp được tổ chức vào cuối khóa học cho sinh viên hệ Đại học nhằm giúp sinh viên có cơ hội thực hiện công việc chuyên môn thuộc ngành học. Trong thời gian thực tập tại cơ sở, sinh viên có điều kiện nghiên cứu, tìm hiểu, chọn lọc, phân tích các thông tin, số liệu, tài liệu để viết Báo cáo thực tập. Sau khi kết thúc thực tập, sinh viên sẽ có hiểu biết thực tế, liên hệ với các kiến thức đã được học tại trường, từ đó tạo khả năng thực hành nghề nghiệp; Giúp sinh viên rèn luyện đạo đức, tác phong nghề nghiệp trong các loại hình tổ chức, doanh nghiệp du lịch.

## 10.51. Thanh toán quốc tế trong du lịch 2 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học kiến thức về tỷ giá hối đoái, các phương thức thanh toán quốc tế trong du lịch và các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng sử dụng trong du lịch. Qua làm bài tập, người học có được kỹ năng thanh toán quốc tế trong du lịch.

## 10.52. Quản trị tác nghiệp khách sạn 2 tín chỉ

- Điều kiện tiên quyết: Các học phần nghiệp vụ

- Học phần trang bị cho người học kiến thức về khách sạn, tổ chức các bộ phận, quy trình nghiệp vụ và công tác quản trị các bộ phận. Ngoài ra, học phần cung cấp kiến thức về các yêu cầu của người quản lý khách sạn, các công việc hàng ngày của giám đốc khách sạn vừa và nhỏ tại Việt Nam.

## 10.53. Quản trị khu nghỉ dưỡng 2 tín chỉ

Học phần trang bị cơ sở lý luận về khu nghỉ dưỡng cho người học. Qua đây, người học biết quản lý các loại hình nghỉ dưỡng, quản lý kinh doanh ẩm thực, dịch vụ lưu trú và các dịch vụ bổ sung khác trong khi nghỉ dưỡng.

## 10.54.Khóa luận Tốt nghiệp 8 tín chỉ

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KT. HIỆU TRƯỞNG**  **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Trung Vỹ** |